TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **844**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2018
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2423/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trà Thị Xuân T**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số X đường L, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Vũ P**, sinh năm 1969; Quốc tịch: Canada; Địa chỉ: Canada. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T trình bày:

Bà và ông Ngô Vũ P quen biết từ năm 2008 và tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2276 quyển số 08, ngày 08 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 7 năm 2009. Sau khi kết hôn và chung sống tại Việt Nam được một thời gian, ông Ngô Vũ P trở về Canada, vợ chồng bà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, đến khoảng tháng 6 năm 2010 thì bà mất liên lạc hoàn toàn với ông P cho đến nay. Khoảng cách địa

lý xa xôi và việc không thể biết thông tin gì từ chồng ở nước ngoài trong một thời gian dài dẫn đến tình cảm giữa bà và ông Ngô Vũ P dần phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Vũ P.

Về con chung: Bà và ông Ngô Vũ P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Vũ P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Ngô Vũ P có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Trà Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 287/UTTPDS-TA30 ngày 03 tháng 8 năm 2017). Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã tống đạt hồ sơ trực tiếp cho ông Ngô Vũ P. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến phản hồi nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của bà Trà Thị Xuân T thì cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau khi ông P trở về Canada sinh sống thì hai người dần mất liên lạc, tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông P thực tế đã chấm dứt, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Ngô Vũ P, quốc tịch Canada, hiện đang định cư tại Canada; nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ngô Vũ P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lí do. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu của bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn số 2276 quyển số 08 ngày 08 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 7 năm 2009, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Trà Thị Xuân T với ông Ngô Vũ P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn, hai người chỉ thực tế chung sống trong một khoảng thời gian ngắn, sau đó ông Ngô Vũ P trở về Canada sinh sống, làm việc; trong thời gian xa cách, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại đến tháng 6 năm 2010. Hiện tại, bà T và ông P không thực tế chung sống, không còn liên hệ với nhau, bà Trà Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ngô Vũ P để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, giữa bà Trà Thị Xuân T và ông Ngô Vũ P đã không thực tế chung sống trong một thời gian dài, việc hai người cắt đứt liên lạc thể hiện không còn ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bị đơn ông Ngô Vũ P đã nhận được thông báo từ Tòa án nhưng đến hạn định cuối cùng, ông P không có văn bản phản hồi cho Tòa án chứng tỏ ông đã không còn ý định tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà Trà Thị Xuân T. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để

giải quyết cho bà Trà Thị Xuân T được ly hôn với ông Ngô Vũ P như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Ngô Vũ P không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trà Thị Xuân T được ly hôn với ông Ngô Vũ P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2276 quyển số 08, ngày 08 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 7 năm 2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0034364

ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trà Thị Xuân T có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn ông Ngô Vũ P cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn